TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2025/HNGĐ- ST
Ngày : 29-9-2025
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Văn Tuấn**- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân khu vực 4- Lâm Đồng (trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cũ), xét xử sơ thẩm, công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Thụy Y,** sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Đức G1, xã BL 2, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Hoàng K,** sinh năm 1985. Nơi thường trú: Thôn Đức G1, xã BL 2, tỉnh L. Hiện đang chấp hành án tại Đội 4- K2-Trại giam Đại Bình-Cục Cảnh sát quản lý Trại giam Cơ sở giáo dục bắt buộc Trường giáo dưỡng. Địa chỉ: Thôn 11, xã Bảo Lâm 3, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Y, anh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Vũ Hoàng K chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và hai gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc C, thành phố BL, tỉnh L ngày 12/11/2007 (nay là UBND Phường 3 BL, tỉnh L). Sau khi kết hôn, chỗ ở của vợ chồng không ổn định, có thời gian ở tại xã Lộc C, đến khi sinh con thứ 3 thì về chuyển về thôn Đức G1, xã Lộc Đ sinh sống đến nay. Cuộc sống vợ chồng bình thường, từ năm 2020 anh K bị bắt và buộc chấp hành án tại trại giam đến nay, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài do anh K chấp hành án 19 năm tù giam. Do anh K phạm tội đã ảnh hưởng đến đời sống và tinh thần của chị và các con, vi phạm nghĩa vụ của người

chồng, người cha. Nay chị Y đã hết tình cảm vợ chồng với anh K, không thể hàn gắn. Chị Y yêu cầu được ly hôn vơi anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Y và anh K có 04 con chung là là Vũ Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2008, Vũ Thị Thu N, sinh ngày 18/12/2009, Vũ Minh H, sinh ngày 02/01/2015 và Vũ Thị Diệu V, sinh ngày 07/4/2017. Nay ly hôn chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 04 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Y và anh K không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Y và anh K không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Y yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2025, biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025, bị đơn anh Vũ Hoàng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị Y đã trình bày. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường. Năm 2020 anh K phạm tội đi chấp hành án tù đến nay, không chăm sóc được cho vợ con, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Nay chị Y yêu cầu ly hôn thì anh K cũng đồng ý và yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh K thừa nhận anh và chị Y có 04 con chung là Vũ Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2008, Vũ Thị Thu N, sinh ngày 18/12/2009, Vũ Minh H, sinh ngày 02/01/2015 và Vũ Thị Diệu V, sinh ngày 07/4/2017. Anh đồng ý giao 04 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị Y không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/8/2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, cho chị Y và anh K được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao con chung 04 con chung là Vũ Thị Kim T, sinh ngày 23/5/2008, Vũ Thị Thu N, sinh ngày 18/12/2009, Vũ Minh H, sinh ngày 02/01/2015 và Vũ Thị Diệu V, sinh ngày 07/4/2017 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cáo con đủ 18 tuổi, chị Y không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị Y, anh K thống nhất trình bày không có và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan Thị Thụy Y, bị đơn anh Vũ Hoàng K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thụy Y và anh Vũ Hoàng K chung sống tự nguyện từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc C, thành phố BL, tỉnh L ngày 21/11/2007 (nay là Ủy ban nhân dân Phường 3 BL, tỉnh L). Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng vợ chồng bình thường. Từ năm 2020 đến ly, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mâu thuẫn trầm trọng, ảnh hưởng đến tinh thần, tâm lý của vợ, chồng, con cái. Mâu thuẫn vợ chồng đều được cả hai thừa nhận và đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ. Anh K thừa nhận hiện nay đang chấp hành án, không có khả năng chăm sóc vợ con, anh có vi phạm nghĩa vụ làm chồng, là cha đối với gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Y yêu cầu ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân giữa chị Y và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Y và anh K được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Y và anh K, bản khai sinh chị Y nộp tại Tòa án thì cả hai có 04 con chung tên là Vũ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 23/5/2008, Vũ Thị Thu N, sinh ngày 18/12/2009, Vũ Minh H, sinh ngày 02/01/2015 và Vũ Thị Diệu V, sinh ngày 07/4/2017. Hiện nay chị Y đang trực tiếp nuôi con chung và có đủ điều kiện nuôi con. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh K cũng đồng ý giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng. Các con đều có nguyện vọng được ở với chị Y. Xét thỏa thuận nuôi con chung là tự nguyện và đúng pháp luật nên cần ghi nhận. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung Vũ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 23/5/2008, Vũ Thị Thu N, sinh ngày 18/12/2009, Vũ Minh H, sinh ngày 02/01/2015 và Vũ Thị Diệu V, sinh ngày 07/4/2017 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Y không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Y, anh K xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Y, anh K xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí*:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án. Cần buộc chị Phan Thị Thụy Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thụy Y đối với Vũ Hoàng K về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Thụy Y và anh Vũ Hoàng K được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Vũ Hoàng K có nghĩa vụ giao các con chung là Vũ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 23/5/2008, Vũ Thị Thu N, sinh ngày 18/12/2009, Vũ Minh H, sinh ngày 02/01/2015 và Vũ Thị Diệu V, sinh ngày 07/4/2017 cho chị Phan Thị Thụy Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

"*Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Thụy Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Y đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004822 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng, số 206, Huỳnh Thúc Kháng, Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4- Lâm Đồng;
- UBND Phường 3 Bảo Lộc (UBND xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc cũ), tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bích Thủy